

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Kế hoạch 07-KH/TU); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả và cụ thể hóa đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Kế hoạch 07-KH/TU.

2. Xác định các nhiệm vụ cụ thể để các sở, ngành, địa phương triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Kế hoạch 07-KH/TU và Kế hoạch này; bảo đảm tinh thần “6 rõ” và phù hợp với định hướng phát triển, thực tiễn của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của tỉnh thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; phấn đấu trở thành địa phương thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Tập trung xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Xây dựng, ban hành các chính sách đột phá phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thành lập các quỹ đầu tư khởi nghiệp, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

c) Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo đột phá trong cải cách hành chính, điều hành, quản trị công và phát triển bền vững.

d) Xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng.

đ) Phân đầu đưa Bắc Ninh trở thành một trong các trung tâm đào tạo, nghiên cứu và phát triển hàng đầu của cả nước về khoa học, công nghệ. Thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học, công nghệ trong và ngoài nước về đặt trụ sở và hoạt động tại Bắc Ninh. Triển khai quy hoạch, thu hút đầu tư Khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ I, II (khu đô thị đại học I, II); khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; hình thành Viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

e) Khai thác, phát huy tối đa các lợi thế nổi bật của tỉnh Bắc Ninh, đặc biệt về vị trí địa lý; hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại; nguồn nhân lực trẻ, chất lượng cao; các khu công nghiệp công nghệ cao với nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn đang đầu tư, làm tiền đề quan trọng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhanh, hiệu quả, bền vững, hướng tới mục tiêu xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

g) Đến năm 2045, các đô thị của tỉnh vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh, hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch; dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích. Bắc Ninh trở thành tỉnh đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (trí tuệ nhân tạo, robot, công nghiệp bán dẫn, vật liệu mới, sinh học...) của cả nước, sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Chi tiết tại Phụ lục số I kèm theo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Ban hành và triển khai Kế hoạch truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW trên các phương tiện thông tin đại chúng theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền gắn với đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của tỉnh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm có mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả. Chú trọng xây dựng chương trình chuyên biệt, chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục trên phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác để giới thiệu, tuyên truyền về Nghị quyết số 57-NQ/TW; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp. Thường xuyên phản ánh thông tin, tôn vinh những cá nhân tiêu biểu, điển hình trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh.

b) Triển khai, cụ thể hóa Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức. Ban hành Quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

c) Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai bám sát từng chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Hằng năm, cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Xây dựng, triển khai các nền tảng, công cụ số để thực hiện đo lường mức độ hoàn thành các nhiệm vụ chuyển đổi số. Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

đ) Phân đầu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

e) Phổ biến, quán triệt, triển khai các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

g) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

h) Xây dựng kế hoạch triển khai thường xuyên, liên tục phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với phong trào “học tập số” để phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và nhân dân. Triển khai các nền tảng đào tạo trực tuyến miễn phí về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

i) Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh về các chương trình đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân trong phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Cụ thể hóa, triển khai kịp thời các quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, đề án của Trung ương nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu. Trước mắt là triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách theo tinh thần Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 185/2025/NĐ-CP của Chính phủ; các quy định về cơ chế đặc thù liên quan đến công tác đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025-2030. Xây dựng Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Chiến lược dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh;...

c) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực y tế; chính sách hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao; chính sách hỗ trợ phát triển các trường mầm non, phổ thông tư thục; chính sách đối với học sinh giỏi; chính sách thu hút, tuyển dụng nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan của hệ thống chính trị; chính sách đối với trí thức trẻ tham gia công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại tỉnh (nhà ở, lương, môi trường nghiên cứu...).

d) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại tỉnh Bắc Ninh; đồng thời, thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, điều chỉnh hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách khi Trung ương có hướng dẫn và quy định mới.

đ) Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của địa phương theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng và triển khai cơ chế “Luồng xanh” trong giải quyết thủ tục hành chính đối với các dự án trọng điểm, ưu tiên các dự án trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

g) Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với điều kiện, tiềm năng của địa phương, đồng bộ việc triển khai thực hiện các nội dung Quy hoạch tỉnh. Trước mắt, xây dựng Kế hoạch phát triển công nghiệp bán dẫn tỉnh Bắc Ninh năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án Ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sinh học tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

h) Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên cơ sở hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; phát triển các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, tập trung cho công nghệ chiến lược.

b) Tổ chức triển khai các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, bảo đảm an ninh năng lượng. Rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược.

c) Tham gia mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.

d) Triển khai cơ chế, chính sách của trung ương về hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

đ) Phát triển hệ sinh thái kinh tế số gắn với triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số; người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

e) Xây dựng Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng trên nền tảng Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ưu tiên phát triển, liên thông hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp công nghệ cao, đô thị thông minh,...); thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

g) Xây dựng, ban hành quy chế về chia sẻ hạ tầng số trên địa bàn tỉnh theo quy định, thẩm quyền.

h) Tiếp tục phát triển mạnh mẽ hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Nâng cấp đường truyền cho cơ quan Đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

i) Nghiên cứu, đăng ký thí điểm triển khai bản sao số tại tỉnh Bắc Ninh nếu đáp ứng đủ điều kiện theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

k) Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số. Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân.

l) Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

m) Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...

n) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo. Triển khai thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực. Triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện. Xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Bắc Ninh.

o) Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ứng dụng công nghệ số ở các ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu. Xây dựng Đề án Ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tạo bước phát triển đột phá về công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh.

p) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dữ liệu. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại Văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ); hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo chỉ đạo của Chính phủ.

q) Xây dựng và triển khai các dự án đầu tư cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các nội dung trong Quy hoạch của tỉnh được Chính phủ phê duyệt như: Trung tâm đổi mới sáng tạo; vườn ươm khởi nghiệp; thu hút đầu tư hình thành trung tâm tính toán thông minh; khu công nghệ thông tin tập trung; khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô; khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao; khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ I (khu đô thị đại học I); khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ II (khu đô thị đại học II); khu y dược tập trung; khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ

cao, mở rộng phủ sóng băng thông rộng và xây mới các trạm thông tin di động 5G, 6G,...

r) Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

s) Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

t) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành; cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

a) Tập trung nguồn lực thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Triển khai và nghiên cứu mở rộng nội hàm, đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà giáo, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và ngành công nghiệp bán dẫn phục vụ nền công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050; các chính sách trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2040, hình thành “Cụm chuyên gia” của tỉnh, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu quốc gia.

c) Xây dựng, triển khai chính sách thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng.

d) Rà soát, quy hoạch phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; đánh giá, sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.

đ) Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm. Phát triển giáo dục ngành STEM, tổ chức các cuộc thi STEM trong các nhà trường từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông.

e) Xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, học tập. Thu hút đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục đại học và trung tâm đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo cùng các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

g) Nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo gắn với nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, tập trung chuẩn hóa kỹ năng quản lý và phương pháp giảng dạy hiện đại để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

h) Xây dựng các chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông theo đuổi các ngành khoa học, kỹ thuật để chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số. Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh các hệ thống thông tin phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Triển khai kế hoạch chuyển đổi số toàn diện cho các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính liên thông, đồng bộ, bảo mật thông tin nhà nước và tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công; ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao, hỗ trợ ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu và phân tích khoa học trong hoạt động quản lý nhà nước.

c) Triển khai mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh. Duy trì, phát triển Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC). Tiếp tục đầu tư, duy trì nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

d) Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp các dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân. Phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh bảo đảm kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia; Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành “một cửa số” tập trung, duy nhất của quốc gia theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

đ) Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

e) Đầu tư phát triển hạ tầng số, kết nối, liên thông, tích hợp các hệ thống nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu của tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

g) Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030. Phân đấu mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số bảo đảm an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân. Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

h) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

i) Xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng. Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Bắc Ninh trên môi trường số. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

k) Xây dựng Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số. Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

l) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.

m) Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng. Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh. Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị.

n) Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

o) Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Xây dựng, nâng cấp, vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) bảo đảm việc kết nối, an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng của tỉnh. Triển khai Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.

p) Triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng; Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng. Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng. Tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng. Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, diễn tập, tập huấn về an toàn thông tin. Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

q) Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

r) Triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số đảm bảo kết nối với Đề án 06 theo tiến độ đề ra.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

a) Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đặc biệt đối với các hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao.

b) Xây dựng các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh; xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ của tỉnh đầu tư ra thị trường trong và ngoài nước.

c) Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

d) Thu hút, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trên địa bàn tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Bắc Ninh theo nguyên tắc: Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh Bắc Ninh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại tỉnh và các địa phương khác; có đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Bắc Ninh với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.

đ) Xây dựng và công bố danh mục các bài toán lớn, vấn đề lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

e) Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số, khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, Quy hoạch của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

g) Triển khai bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

h) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ chủ lực của tỉnh trên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số. Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các dịch vụ số phục vụ doanh nghiệp và người dân.

i) Triển khai các chương trình của bộ, ngành trung ương về đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch... nhằm thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

k) Xây dựng Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

l) Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng số. Triển khai áp dụng hiệu quả các chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số, tạo điều kiện thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ số.

m) Nghiên cứu, xây dựng chiến lược tổng thể; cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số; chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox). Tăng cường hoạt động hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp bảo đảm kịp thời, hiệu quả nhằm thu hút và thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường hợp tác, liên kết vùng, quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ đầu tư, sản xuất, đặt trụ sở tại tỉnh, tập trung thu hút đầu tư vào các nhiệm vụ, dự án trọng điểm.

b) Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực gắn với quảng bá đổi mới sáng tạo tỉnh để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết, phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ cấp vùng giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

d) Kết nối hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học quê hương Bắc Ninh.

đ) Học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện, tiềm năng, định hướng phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ trên nhiều lĩnh vực nhất là trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng và các công nghệ chiến lược khác nhằm từng bước nâng cao tự chủ về công nghệ.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II và Phụ lục III)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện, bảo đảm bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; **hoàn thành trong tháng 8/2025** và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường rà soát các chương trình, đề án, kế hoạch ở cấp mình thực hiện các chủ trương của cấp ủy, văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành, còn hiệu lực liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với kế hoạch triển khai, thực hiện Kế hoạch này ở cấp mình; **hoàn thành trong tháng 9/2025**.

3. Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo phân công; tăng cường kiểm tra, đôn đốc trong quá trình triển khai Kế hoạch này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện (hàng tháng trước ngày 15 hằng tháng, hằng quý trước ngày 10 tháng cuối quý, hằng năm trước ngày 15/11) gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

5. Đề nghị các cơ quan: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, Tỉnh đoàn, Thống kê tỉnh Bắc Ninh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 12, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Ninh phối hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung và chỉ tiêu được giao trong Kế hoạch này. Phối hợp báo cáo kết quả định kỳ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ.

6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và hiệu quả Kế hoạch này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Tỉnh ủy, HĐND, UBND để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Kế hoạch 07-KH/TU trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đảng uỷ, UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
A	Phát triển hạ tầng								
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	% dân số	≥ 60%	100%	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	% dân số	-	-	≥ 50%	≥ 80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	% người sử dụng	≥ 60%	100%	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
B	Phát triển nguồn lực								
1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo/ tổng chi ngân sách	% ngân sách	≥ 1,0%	≥ 1,5%	≥ 2%	≥ 2,5%	≥ 3%	Sở Tài chính	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
2	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/ tổng chi ngân sách	% ngân sách	$\geq 3\%$	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính	NQ71-CP
3	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/GRDP	% GRDP	$\geq 2\%$	$\geq 3\%$	$\geq 3\%$	$\geq 3\%$	$\geq 3\%$	Sở Tài chính	KH07-TU
4	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)/GRDP	% GRDP		$\geq 2\%$	$\geq 2\%$	$\geq 2\%$	$\geq 2\%$	Sở Tài chính	NQ71-CP
5	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%		$> 60\%$	$> 60\%$	$> 60\%$	$> 60\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ	KH07-TU
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ	KH07-TU
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	80%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	$\geq 97\%$	$\geq 99\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
10	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	Người/vạn dân	≥ 9	≥ 13	≥ 20	≥ 33	≥ 54	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số	%				80% - 90%	$\geq 90\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
C	<i>Phát triển khoa học, công nghệ</i>								
1	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Doanh nghiệp	≥ 30	≥ 70	≥ 150	≥ 250	≥ 400	Sở Tài chính	KH07-TU
2	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 4	≥ 6	≥ 8	≥ 10	≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
3	Số công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu mỗi năm	Công trình	≥ 10	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
4	Số cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.	Người	≥ 300	≥ 600	≥ 1200	≥ 2000	≥ 3000	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
5	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	Nhiệm vụ	≥ 25	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
6	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	≥ 40%	≥ 60%	≥ 75%	≥ 85%	≥ 95%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
7	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) mỗi năm	Đơn đăng ký	≥ 15	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 180	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
8	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	%	≥ 10%	≥ 25%	≥ 40%	≥ 60%	≥ 80%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
9	Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) mỗi năm	Bài báo	≥ 50	≥ 150	≥ 300	≥ 500	≥ 800	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
10	Số công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm	Công trình	Phần đầu có 01 công trình	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
11	Số lượng trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	Trung tâm				15 - 20		Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
12	Số lượng trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế	Trung tâm				7 - 10		Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
13	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi	%				10%		Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
14	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình (%/năm)	%		$\geq 10\%$	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$	$\geq 10\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
15	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%		$\geq 55\%$	Tăng dần theo mỗi năm	Tăng dần theo mỗi năm	Tăng dần theo mỗi năm	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
16	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	%		$\geq 50\%$	Tăng dần theo mỗi năm	Tăng dần theo mỗi năm	Tăng dần theo mỗi năm	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
D	<i>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</i>								
1	Xếp hạng PII các địa phương trong cả nước	Thứ bậc	Top 10	Top 10	Top 10	Top 10	Top 6	Sở Khoa học và Công nghệ	KH334-UB

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
2	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 50	≥ 150	≥ 300	≥ 500	≥ 800	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
3	Số vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.	Vườn ươm/ trung tâm	≥ 3	≥ 7	≥ 12	≥ 18	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
4	Số dự án khởi nghiệp sáng tạo	Dự án				50 - 60	50 - 70	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
5	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%		$\geq 40\%$	$\geq 40\%$	$\geq 40\%$	$\geq 40\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
6	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	%	$\geq 15\%$	$\geq 30\%$	$\geq 50\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
7	Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	Sản phẩm	≥ 20	≥ 60	≥ 150	≥ 300	≥ 500	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
8	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	Dự án	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
9	Số sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	Sáng chế, giải pháp	≥ 5	≥ 20	≥ 50	≥ 100	≥ 200	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
10	Số bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo	Bài báo	≥ 100	≥ 300	≥ 700	≥ 1200	≥ 1800	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
11	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	Doanh nghiệp	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
12	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	Sáng kiến	≥ 30	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
13	Chỉ số phát triển con người (HDI)			$> 0,7$	Tăng dần theo mỗi năm	Tăng dần theo mỗi năm	Tăng dần theo mỗi năm	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
14	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình mỗi năm (%/năm)	%		16%	16,5%	17%	18%	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
15	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%		8%	8,5%	9%	10%	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
E	<i>Phát triển chuyển đổi số</i>								
1	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh		≥ 0.7	≥ 0.75	≥ 0.85	≥ 0.92	$\geq 1,0$	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	%	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	KH07-TU
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	KH07-TU
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	KH07-TU
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	$\geq 90\%$	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	KH07-TU
6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
								hành chính công)	
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	KH07-TU
8	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%		$\geq 80\%$	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	NQ71-CP
9	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%		$\geq 90\%$	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	NQ71-CP
10	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%		$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	NQ71-CP

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
11	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%		$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	NQ71-CP
12	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%		100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
13	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%		100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	NQ71-CP
14	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%		100%	100%	100%	100%	Văn phòng UBND tỉnh	NQ71-CP
15	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%		$\geq 80\%$	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Ngân hàng Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh	NQ71-CP
16	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	%	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
17	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương	%	≥ 50%	≥ 80%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
18	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	%	≥ 60%	≥ 85%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
19	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	≥ 30%	≥ 60%	≥ 85%	≥ 95%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
20	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 50%	≥ 80%	≥ 95%	100%	100%	Công an tỉnh	KH07-TU
21	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	≥ 15%	≥ 70%	≥ 75%	≥ 80%	≥ 85%	Tỉnh Đoàn Bắc Ninh	KH07-TU, NQ71-CP
22	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	≥ 60%	≥ 90%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU
23	Quy mô kinh tế số/GRDP	% GRDP	≥ 40%	≥ 45%	≥ 50%	≥ 55%	≥ 58%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH07-TU, NQ71-CP

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Ghi chú
24	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%		100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
25	Triển khai kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%		100%	100%	100%	100%	Công an tỉnh	NQ71-CP
26	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%		$\geq 95\%$	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Ngân hàng Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh	NQ71-CP
27	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%		$\geq 95\%$	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Sở Y tế	NQ71-CP
28	Tỉ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%		50%	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Tăng dần theo từng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	NQ71-CP
29	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	%					1	Sở Tài chính	NQ71-CP
30	Tỷ lệ người dân được định danh số	%	100%	100%	100%	100%	100%	Công an tỉnh	KH334-UB
31	Tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch	%	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	KH334-UB

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO THEO CHUỖNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ VÀ KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
1.	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch được phê duyệt	Tháng 8/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
2.	Kế hoạch truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW trên các phương tiện thông tin đại chúng theo hướng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền gắn với đẩy mạnh quảng bá hình ảnh của tỉnh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm có mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch được phê duyệt	Tháng 8/2025	
3.	Xây dựng các chương trình chuyên biệt tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	Báo và phát thanh, truyền hình Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm thông tin)	Chương trình	Thường xuyên	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4.	Xây dựng kế hoạch triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch được phê duyệt	Thường xuyên	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
5.	Triển khai, cụ thể hóa Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai của tỉnh	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025)	
6.	Ban hành Quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai của tỉnh	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (5/2025)	
7.	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch công tác	Thường xuyên	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
8.	Phấn đấu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Có tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Thường xuyên	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ,

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
						ngành Trung ương
9.	Phổ biến, quán triệt, triển khai các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các Sở, ban, ngành, địa phương		Phổ biến, quán triệt quy định Luật Cán bộ, công chức	Thường xuyên	
10.	Triển khai ứng dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Các nền tảng đào tạo trực tuyến mở được triển khai	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (4/2025)	
11.	Xây dựng, triển khai các chương trình/kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/ Kế hoạch/ Quyết định của cơ quan, đơn vị	Tháng 9/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
12.	Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh về các chương trình đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân trong phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Kế hoạch thực hiện	Năm 2025	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất					
13.	Điều chỉnh trong dự toán ngân sách năm 2025 để bố trí ít nhất 3% ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng lên trong các năm tiếp theo	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu	Năm 2025 và những năm tiếp theo	
14.	Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh. Thực hiện đánh giá, công bố kết quả hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Ban hành Bộ chỉ số, định kỳ hàng năm đo lường công bố	Hàng năm	
II.	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
15	Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Sở Tư pháp	Kiến nghị được thực thi	Thường xuyên	
16	Cụ thể hóa, triển khai kịp thời các quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, đề án của Trung ương nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh, tạo môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu. Trước mắt là triển khai, tổ chức thực	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Sở khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Thường xuyên, kịp thời	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách theo tinh thần Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 185/2025/NĐ-CP của Chính phủ; các quy định về cơ chế đặc thù liên quan đến công tác đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025-2030.					
17	Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của địa phương theo quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định của cấp có thẩm quyền	Tháng 12/2025	
18	Xây dựng và triển khai cơ chế “Luồng xanh” thủ tục hành chính đối với các dự án trọng điểm (trong đó ưu tiên các dự án trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS)	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 08/2025	
19	Hướng dẫn, triển khai các quy định về cơ chế đặc thù liên quan đến công tác đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025-2030	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (5/2025)	
20	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm, ...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	Tháng 9/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
21	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép	Các Sở, ban, ngành, địa phương; Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ,

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh					ngành Trung ương
22	Triển khai Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	Công an tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Văn bản triển khai	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
23	Triển khai Chiến lược dữ liệu Quốc gia trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản triển khai	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2025)	
III.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
24.	Triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược bao gồm đề án Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (5/2025)	
25.	Tham gia mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Mạng lưới kết nối	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
26.	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Ngân sách được bố trí đáp ứng yêu cầu	Hàng năm	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
27.	Tổ chức triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng; khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Các Sở ngành, địa phương	Các Báo cáo thực hiện	Thường xuyên (sau khi có hướng dẫn của Trung ương ban hành)	
28.	Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Các Báo cáo thực hiện	Thường xuyên	
29.	Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
30.	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
31.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Hoàn thành triển khai các nền tảng số đảm bảo kết nối, liên thông	Tháng 12/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
32.	Triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2025)	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
33.	Triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số của Bộ Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2025)	
34.	Triển khai Đề án bản sao số cho một số thành phố lớn trực thuộc trung ương để quản lý, phát triển (nếu được lựa chọn)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 9/2026	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
35.	Xây dựng và triển khai Đề án đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Đề án	Tháng 6/2028	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
36.	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
37.	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công thương; các địa phương, các doanh nghiệp viễn thông	Kế hoạch UBND tỉnh	Tháng 9/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
38.	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Hoàn thành các CSDL quốc gia; Các CSDL dùng chung của các bộ, ngành	Tháng 6/2026	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
39.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Hoàn thành kết nối	Tháng 6/2026	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
40.	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các Sở, ban, ngành, địa phương	Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh an toàn để kết nối khai thác dữ liệu, cắt giảm giấy tờ cho người dân, phục vụ công tác quản lý của Bộ chủ quản và không làm ảnh hưởng đến các Bộ khác có sử dụng thông tin, giấy tờ đó cũng sẽ được cắt giảm	Tháng 9/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
41.	Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2025 và công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ những sáng kiến, giải pháp đã được lựa chọn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Các sản phẩm, giải pháp được đánh giá, lựa chọn, công bố	Thường xuyên (triển khai kịp thời khi có văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
42.	Xây dựng, ban hành và triển khai Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các sở, ban,	Chiến lược tổng thể	Năm 2025	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng trên nền tảng Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		ngành, địa phương			của BTV Tỉnh ủy
43.	Xây dựng, ban hành quy chế về chia sẻ hạ tầng số trên địa bàn tỉnh theo quy định, thẩm quyền	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Quy chế chia sẻ hạ tầng số	Tháng 12/2025	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy
44.	Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; địa phương	Chương trình đầu tư công	Năm 2025	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy
IV.	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
45.	Triển khai thực hiện Đề án trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các Sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
46.	Triển khai chính sách thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước theo quy định của Trung ương	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
47.	Triển khai Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học, công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các Sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
48.	Triển khai Khung chiến lược giáo dục đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc quản lý của địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (11/2025)	
49.	Tham mưu HĐND tỉnh Ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ hợp tác quốc tế và đào tạo nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2025-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành; địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	01/2026	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy
V.	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh					
50.	Triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương	
51.	Triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương	
52.	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương	
53.	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các doanh nghiệp các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 9/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ,

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
						ngành Trung ương
54.	Thực hiện Chương trình cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương	
55.	Triển khai phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số theo Kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2026)	
56.	Xây dựng, triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số	Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
57.	Triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hoá trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
58.	Triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Các hệ thống, nền tảng số được triển khai	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
59.	Triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
60.	Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2026)	
61.	Triển khai Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
62.	Triển khai Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
63.	Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
64.	Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên	
65.	Hướng dẫn, triển khai các giải pháp mã hóa, bảo mật thông tin, dữ liệu trong lĩnh vực quốc phòng.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên	
66.	Triển khai Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
67.	Triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06: Phát triển kinh tế ban đêm	Công an tỉnh	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	Triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Tháng 9/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
68.	Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
69.	Triển khai giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.	Sở Y tế	Công an tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan	Giải pháp, công cụ	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (4/2025)	
70.	Triển khai Đề án chuyển đổi số của Bộ Y tế tại tỉnh Bắc Ninh, nhân rộng ra toàn quốc trong năm 2025	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Đề án được phê duyệt	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
71.	Triển khai xây dựng Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và của địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Bộ Chỉ số. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
72.	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	Dữ liệu các lĩnh vực ư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2025 và những năm tiếp theo	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
73.	Cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh Bắc Ninh và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức 3 cấp (trung ương, tỉnh, xã) theo phương án không tổ chức cấp huyện, việc số hóa dữ liệu phục vụ bản giao, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện được ngay sau khi kết thúc mô hình cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Khung Kiến trúc chính quyền số phiên bản 4.0	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2025)	
74.	Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị	Sở Xây dựng	Các địa phương	Triển khai thí điểm thu phí không dừng tại một số bến xe, bãi đỗ trong đô thị	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
75.	Triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2026)	
76.	Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2026)	
77.	Phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia. Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia trở thành “một cửa số” tập trung, duy nhất của quốc gia” theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Hoàn thành phát triển hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo theo yêu cầu của Trung ương	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (6/2025)	
78.	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Chương trình đào tạo, lớp tập huấn	Hàng năm	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
						của BTV Tỉnh ủy
79.	Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng	Năm 2026	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy
VI.	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển					
80.	Triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đặc biệt đối với các hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hoá có chất lượng cao	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản triển khai của tỉnh	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
81.	Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai của tỉnh	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (12/2025)	
82.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của sở, ngành, địa phương	Hàng năm	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ,

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
						ngành Trung ương
83.	Triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Văn bản triển khai của tỉnh	Theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương (9/2025)	
84.	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	Tháng 6/2028	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
85.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành	Tháng 12/2025	Nhiệm vụ định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện ra Bộ, ngành Trung ương
86.	Tăng cường thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển với tỉ lệ 1% - 3% doanh thu.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương	Kết quả thu hút đầu tư	Thường xuyên	
87.	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số quốc gia, định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; địa phương	Kết quả đánh giá hàng năm	Hàng năm	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy
88.	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng số. Triển khai áp dụng hiệu quả các chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số, tạo điều kiện thu hút tổ chức, cá	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề án được phê duyệt	Năm 2026	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	nhân doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ số					
89.	Tăng cường hoạt động hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp bảo đảm kịp thời, hiệu quả nhằm thu hút và thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Đoàn	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ, khởi nghiệp	Năm 2026	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy
VII.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
90.	Thiết lập các khuôn khổ đối tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành trọng tâm trong các khuôn khổ đối tác, các tập đoàn công nghệ hàng đầu, nhất là trong lĩnh vực then chốt, đột phá.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Đề án/thỏa thuận hợp tác	Thường xuyên	
91.	Thúc đẩy nghiên cứu, chia sẻ các mô hình, kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (tháo gỡ thể chế, thu hút nguồn lực...).	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo UBND tỉnh	Tháng 9/2025	
92.	Kết nối hiệu quả với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học quê hương Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; địa phương	Cơ sở dữ liệu thông tin về các chuyên gia, nhà khoa học	Thường xuyên	
93.	Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu của tỉnh về đổi mới sáng tạo; tập trung hỗ trợ hình thành, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ trong các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; lập quyền sở hữu trí tuệ, quản lý và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; địa phương	Chương trình	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
94.	Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ cấp vùng giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hội nghị, hội thảo, diễn đàn tổ chức thường niên	Hàng năm	Nhiệm vụ cụ thể hóa từ Kế hoạch của BTV Tỉnh ủy

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM ĐỘT PHÁ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
I	Nhóm nhiệm vụ về cơ chế, chính sách					
1	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh để tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo ra môi trường thuận lợi, thu hút sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia hợp tác, làm việc trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
2	Xây dựng cơ chế thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
3	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực y tế; chính sách hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên, học sinh năng khiếu thể thao; chính sách hỗ trợ phát triển các trường mầm non, phổ thông tư thục; chính sách đối với học sinh giỏi; chính sách thu hút, tuyển dụng nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan của hệ thống chính trị; chính sách đối với trí thức trẻ tham gia công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại tỉnh (nhà ở, lương, môi trường nghiên cứu...)	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	
4	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính theo	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
	và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Bắc Ninh. Đồng thời, thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, điều chỉnh hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách khi Trung ương có hướng dẫn và quy định mới.	chức năng, nhiệm vụ				
II	Nhóm nhiệm vụ về nâng cao nhận thức, tuyên truyền					
5.	Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy triển khai đánh giá nhận thức cán bộ, đảng viên sau học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan bằng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch đánh giá kiểm tra nhận thức	Quý III, IV/2025	
6.	Xây dựng và ban hành Kế hoạch Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh (thực hiện Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 16/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/Kế hoạch	Quý III/2025	Nhiệm vụ số 1 PL2
7.	Xây dựng các chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và thường xuyên phản ánh thông tin, tuyên truyền, tôn vinh những cá nhân tiêu biểu, điển hình trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan báo chí địa phương, mạng xã hội và hệ thống thông tin truyền thông của tỉnh	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục	Năm 2025	
8.	Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các chương trình, tin bài	Năm 2025	
III	Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực					
9.	Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ;	Chương trình/Kế hoạch	Hàng năm	Nhiệm vụ số 11 PL2

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
	nghệ số cơ bản phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.		các sở, ngành, địa phương			
10.	Xây dựng các Chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông theo đuổi các ngành khoa học, kỹ thuật để chủ động, chuẩn bị trước nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/Kế hoạch	Thường xuyên	
11.	Xây dựng Chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/Kế hoạch	Thường xuyên	
12.	Xây dựng Chương trình, kế hoạch hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	Chương trình/Kế hoạch	Năm 2026	
IV	Nhóm nhiệm vụ về bố trí vốn đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
13.	Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hướng tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ cấu chi đảm bảo theo yêu cầu	Thường xuyên	
14.	Huy động các nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển hạ tầng số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư cho hạ tầng số và các công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các nguồn lực tài chính huy động	Thường xuyên	Thực hiện lồng ghép cùng các nhiệm vụ, dự án hạ tầng số tại PL2 và PL3

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
15.	Xây dựng Bắc Ninh trở thành cứ điểm quan trọng, là trụ cột trong hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn của Việt Nam. Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển công nghiệp bán dẫn tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch ban hành	Tháng 8/2025	
V	Nhóm nhiệm vụ về đầu tư, hoàn thiện hạ tầng					
16.	Xây dựng Đề án Ứng dụng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tạo bước phát triển đột phá về công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án được phê duyệt, triển khai hiệu quả	- Thời gian ban hành Đề án: 12/2025 - Thời gian thực hiện Từ 2026 - 2030.	
17.	Xây dựng Đề án Ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sinh học tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án được phê duyệt, triển khai hiệu quả	- Thời gian xây dựng, ban hành Đề án: Trong năm 2025. - Thời gian triển khai thực hiện: Từ 2026 - 2030.	
18.	Xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin dùng chung cho toàn tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án được phê duyệt, triển khai hiệu quả	- Thời gian xây dựng, ban hành Đề án: Trong năm 2025. - Thời gian triển khai thực hiện: Từ 2026 - 2030.	
19.	Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo và Trung tâm công nghiệp công nghệ cao của tỉnh để thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Đề án được phê duyệt, triển khai hiệu quả	- Thời gian xây dựng, ban hành Đề án: Trong năm 2025. - Thời gian triển khai thực hiện: Từ 2026 - 2030.	
20.	Tiếp tục đầu tư, duy trì nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành thông minh; Trung tâm Tích hợp dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Trung tâm giám sát, điều hành thông	Hàng năm	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
	tính theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, phục vụ công tác chuyển đổi số của tỉnh			minh; Trung tâm Tích hợp dữ liệu hoạt động ổn định hiệu quả		
21.	Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các dịch vụ số phục vụ doanh nghiệp và người dân	Ngân hàng nhà nước; Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương		Thường xuyên	
22.	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị xanh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh	Sở khoa học và công nghệ, Sở Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương		2025-2030	
23.	Hoàn thành xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh nhằm hình thành trung tâm về công nghệ thông tin, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin; hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển sản phẩm công nghệ thông tin, phục vụ cho việc đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Khu công nghiệp thông tin tập trung đi vào hoạt động	Năm 2027	
24.	Quy hoạch, thu hút đầu tư Khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt Đề án	Thời gian thực hiện: Từ năm 2028-2030	
25.	Xây dựng Viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng Thủ đô hướng tới trở thành một trong các trung tâm nghiên cứu và phát triển hàng đầu của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban,	Quyết định hoạt động của cấp có thẩm quyền	2035-2040	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
			ngành, địa phương			
26.	Quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng Khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ I (khu đô thị đại học 1); Khu đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ II (khu đô thị đại học 2)	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định hoạt động của cấp có thẩm quyền	2030-2035	
27.	Xây dựng các trạm thông tin di động 5G (xây mới)	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Hạ tầng trạm thông tin di động 5G được hoàn thiện	2025 - 2030	
28.	Hình thành Trung tâm tính toán thông minh của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Trung tâm đi vào hoạt động	Thời gian triển khai thực hiện: Từ 2026 - 2030	
29.	Phát triển KCN chế biến nông sản công nghệ cao, kết hợp với trung tâm nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển bền vững và hiện đại hóa ngành nông nghiệp	Ban Quản lý các KCN tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, địa phương	Quyết định hoạt động của cấp có thẩm quyền	Thời gian triển khai thực hiện: Từ 2026 - 2030	
30.	Tái cấu trúc đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động các Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ban, ngành; địa phương	Đề án được phê duyệt, triển khai hiệu quả	2025 - 2030	
VI	Nhóm các nhiệm vụ phục vụ thúc đẩy phát triển mạnh mẽ xã hội số, phát triển văn hoá số tích cực, lành mạnh, giữ gìn bản sắc dân tộc và bảo đảm an toàn, an ninh mạng					
31.	Đầu tư phát triển hạ tầng số, kết nối, liên thông, tích hợp các hệ thống nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu của tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số giúp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	các Sở, ban, ngành; địa phương		Thường xuyên	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
32.	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công dân số toàn diện giai đoạn 2026-2030	Công an tỉnh	các Sở, ban, ngành; địa phương	Kế hoạch được ban hành	- Thời gian ban hành Kế hoạch: 2026 - Thời gian thực hiện: 2026-2030	
33.	Thực hiện và xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	các Sở, ban, ngành; địa phương	Triển khai bộ quy tắc ứng xử	Năm 2026	Nhiệm vụ số 48 PL2
34.	Xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình/Kế hoạch	Hàng năm	
35.	Xây dựng, nâng cấp, vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) tỉnh	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Duy trì đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống trọng yếu	Hàng năm	
VII	Nhóm các nhiệm vụ phục vụ cho đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước					
36	Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý hành chính, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh. Phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung, phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Giải pháp, nền tảng	Thường xuyên	
37	Triển khai, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp, tài nguyên, y tế, giao thông, giáo dục...)	Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Giải pháp, nền tảng	Thường xuyên	
38	Xây dựng Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	các Sở, ban, ngành; địa phương	Kế hoạch được ban hành	Trong năm 2025	

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/ sản phẩm	Thời gian	Ghi chú
39	Ban hành Kế hoạch thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	các Sở, ban, ngành; địa phương	Kế hoạch được ban hành	Tháng 8/2025	
VIII	Nhóm nhiệm vụ phục vụ hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
40	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; địa phương	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các nội dung ký kết	Thường xuyên	
41	Học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; địa phương	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các đoàn ra, vào	Thường xuyên	